TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Châu Vũ Sơn.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm.

2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 499/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 "Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 459/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 609/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim L, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ I, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; có văn bản xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1973; địa chỉ: tổ I, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; có văn bản xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Kim L trình bày, sau thời gian tự tìm hiểu chị và anh T

được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 1996 nhưng đến năm 2004 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Chợ

Mới tỉnh An Giang. Vợ chồng sống chung đôi lúc cũng hay cãi vã, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn sống không tình cảm, bất đồng quan điểm, không hợp nhau, anh T không lo làm ăn lo cho vợ con, chị có khuyên nhưng anh T không sửa đổi, vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 03 con chung tên Lê Thị Hải N, sinh ngày 04/11/1997; Lê Quốc H, sinh ngày 11/12/2000 (hiện nay đã thanh niên) cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 07/6/2007 hiện nay sống chung với chị L, khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Kim L xác định vợ chồng không có.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Kim L xác định vợ chồng không có.

Tại tờ tường trình ngày 17 tháng 7 năm 2023 bị đơn anh Lê Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Kim L xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 03 con chung tên Lê Thị Hải N, sinh ngày 04/11/1997; Lê Quốc H, sinh ngày 11/12/2000 (hiện nay đã thanh niên) cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 07/6/2007 hiện nay sống chung với chị L, khi ly hôn anh đồng ý để chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Lê Thanh T xác định vợ chồng không có.

Về nợ chung: Anh Lê Thanh T xác định vợ chồng không có.

Do anh bận đi làm ăn xa cho anh xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử anh không khiếu nại gì về sau.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận kết hôn số 102/2004 ngày 09.8.2004 do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang cấp; Giấy khai sinh của Lê Thị Hải N; Lê Quốc H; Lê Minh Đ (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến gì khác.

- Bị đơn có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến gì khác.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có văn bản xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Kim L và anh Lê Thanh T do quen biết và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 1996, nhưng đến 09/8/2004 vợ chồng mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND thị trấn M, huyện C, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì không còn chung sống với nhau, nguyên nhân sống không còn tình cảm, bất đồng quan điểm, anh T không lo làm ăn lo cho vợ con. Từ đó vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh T.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên chị L và anh T thường xuyên cãi vã nhau. Anh T không chăm lo quan tâm đến vợ con. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, trong thời gian này cả hai cũng không tạo cơ hội để hàn gắn tình cảm cho nhau. Chị L xác định không còn tình cảm, kiên quyết ly hôn, nên mục đích hôn nhân không đạt, nếu buộc tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Ngoài ra, theo đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt ngày 17/7/2023 của anh T gửi cho Tòa án thì ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh L. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Quốc H, sinh ngày 11/12/2000; Lê Thị Hải N, sinh ngày 04/11/1997; Lê Minh Đ, sinh ngày 07/6/2007. Cháu H và N đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Đ, sau khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Đ (sinh ngày 07/6/2007) đã từ đủ 07 tuổi, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì phải xem xét đến nguyện vọng của cháu Đ muốn ở cùng với chị L hay anh T. Theo Tờ tự khai của cháu Đ ngày

01/8/2023 thì cháu có nguyện vọng được sống cùng chị L trong trường hợp vợ chồng ly hôn. Ngoài ra, cháu Đ hiện đang sống chung với chị L, cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Anh T cũng đồng ý để chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ. Vì vậy tiếp tục giao cháu Đ cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Kim L đối với anh Lê Thanh T.

- Chị Nguyễn Kim L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Minh Đ, sinh ngày 07/6/2007. Anh Lê Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh T cư trú ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Kim L, anh Lê Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Kim L, anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Kim L và anh Lê Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, chị L với anh T thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, anh T không lo làm ăn lo cho vợ con, chị có khuyên nhưng anh không sửa đổi, anh chị không còn sống chung từ cuối năm 2020 cho đến nay. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị L, anh T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu ly hôn của chị L đối với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Kim L, anh Lê Thanh T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 03 con chung tên Lê Thị Hải N, sinh ngày 04/11/1997; Lê Quốc H, sinh ngày 11/12/2000 (hiện nay đã thanh niên) cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 07/6/2007 hiện nay sống chung với chị L, khi ly hôn anh T đồng ý để chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ.

Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho vợ hay chồng chăm sóc, nuôi dưỡng, cần xem xét đến điều kiện phát triển và nguyện vọng của con chung. Từ khi ly thân đến nay, cháu Đ sống chung với chị L cháu vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Đ thì cháu có nguyện vọng sống chung với chị L. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Đ. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao cháu Đ cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T cũng không có ý kiến, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Kim L, anh Lê Thanh T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Kim L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim L.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Kim L được ly hôn với anh Lê Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 102 ngày 09/8/2004 do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Kim L và anh Lê Thanh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thị Hải N, sinh ngày 04/11/1997; Lê Quốc H, sinh ngày 11/12/2000 (hiện nay đã thanh niên) cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 07/6/2007 hiện nay sống chung với chị L, khi ly hôn chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ. Anh Lê Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Kim L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Kim L, anh Lê Thanh T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Kim L, anh Lê Thanh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị Kim L, anh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị L và anh T trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Kim L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013859 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 10 tháng 7 năm 2023; Chị Nguyễn Kim L đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hồng

Châu Vũ Sơn

Nguyễn Thanh Liêm

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn